UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 6317/SKHĐT-KT
Về tài liệu tuyên truyền về việc chuyển đổi Hộ kinh doanh sang hoạt động theo loại hình doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2017

Kính gửi:
- Cục thuế Thành phố.
- Sở Tài chính;
- Sở Công thương;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Sở Y tế;
- Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy Thành phố;
- Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố;
- Ủy ban nhân dân 24 Quận, huyện.

Thực hiện chỉ đạo của Phó chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố Lê Thanh Liêm tại Thông báo số 428/TB-VP ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, trong đó giao Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh cẩm nang tuyên truyền gửi cho các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện để làm cơ sở thực hiện. Sau khi tổng hợp các lợi ích khi chuyển sang hoạt động theo loại hình doanh nghiệp và các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp hiện nay, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thiện tài liệu tuyên truyền và gửi các Sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện làm cơ sở tuyên truyền và vận động các Hộ kinh doanh chuyển sang hoạt động theo loại hình doanh nghiệp theo quy định tại Quyết định số 1482/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch phát triển 500.000 doanh nghiệp đến năm 2020 (đính kèm tài liệu tuyên truyền).

Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi các đơn vị để biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND TP (để báo cáo);
- Ban GĐ Sở;
- Lưu VP, KT (Huy, 35b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phan Thị Bình Minh

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN VỀ VIỆC CHUYỂN ĐỔI HỘ KINH DOANH SANG HOẠT ĐỘNG THEO LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

A. NHỮNG HẠN CHẾ KHI KINH DOANH DƯỚI HÌNH THỨC HỘ KINH DOANH:

Một là, không có con dấu, không có tư cách pháp nhân.

Hộ kinh doanh không có tư cách pháp nhân, khác với loại hình doanh nghiệp (doanh nghiệp là một thực thể tách biệt với chủ sở hữu, Hộ kinh doanh không phải là một thực thể tách biệt với cá nhân thành lập). Mọi tài sản của hộ kinh doanh đều là tài sản của chủ hộ kinh doanh. Do đó, chủ hộ kinh doanh hưởng toàn bộ lợi nhuận (sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính và thanh toán các chi phí theo quy định của pháp luật) và gánh chịu mọi nghĩa vụ liên quan.

Hai là, chỉ được đăng ký kinh doanh tại một địa điểm.

Việc hộ kinh doanh chỉ được kinh doanh tại một địa điểm sẽ hạn chế khả năng phát triển kinh doanh, không có khả năng tiếp tục đầu tư tại những địa điểm khác có tiềm năng. Bên cạnh đó, do mỗi cá nhân chỉ được đăng ký thành lập một hộ kinh doanh nên có thể sẽ làm lộ bí mật kinh doanh khi muốn người khác đứng tên hộ.

Ba là, không được sử dụng quá mười lao động.

Luật Doanh nghiệp năm 2015 quy định nếu hộ kinh doanh sử dụng thường xuyên trên 10 lao động phải đăng ký kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp. Do đó, việc hạn chế số lượng lao động dưới 10 người đồng nghĩa với việc hạn chế sự phát triển, quy mô kinh doanh của hộ kinh doanh.

Bốn là, phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.

Như đã trình bày ở phần trên, hộ kinh doanh không phải là một thực thể độc lập, không tách biệt với chủ hộ kinh doanh. Do đó, về nguyên tắc, chủ hộ kinh doanh phải chịu trách nhiệm vô hạn đối với khoản nợ của hộ kinh doanh, có nghĩa là chủ hộ kinh doanh phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình kể cả tài sản không đưa vào kinh doanh.

Năm là, không tiếp cận được những chính sách ưu đãi của nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp.

Chính phủ và Thành phố Hồ Chí Minh đã và đang có rất nhiều chương trình hỗ trợ cho doanh nghiệp nhằm mục đích phát triển doanh nghiệp ngày càng lớn mạnh. Do đó, tại thành phố Hồ Chí Minh, các hộ kinh doanh không thể tiếp cận được những chương trình hỗ trợ này (như: Chương trình kích cầu thông qua đầu tư; Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp cải thiện tình trạng thiếu mặt bằng sản xuất kinh

doanh, tăng cường bảo vệ môi trường; các chương trình hỗ trợ, phổ biến, ứng dụng công nghệ và kỹ thuật tiên tiến;...).

Sáu là, khó tiếp cận nguồn tài chính và huy động vốn.

Do không có tư cách pháp nhân và đa số không có tài sản thế chấp để vay vốn ngân hàng, trong khi tài sản giá trị nhất là quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở nên các hộ kinh doanh rất khó khăn trong việc tiếp cận với các nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng. Nếu có vay được thì số vốn vay cũng không nhiều, thời hạn vay cũng ngắn và không có lãi suất ưu đãi như loại hình doanh nghiệp. Vì vậy, chủ hộ kinh doanh chỉ sử dụng được nguồn vốn tự có hay huy động từ các thành viên trong gia đình, từ người thân quen (thường là không dồi dào và thiếu ổn định), đồng thời khó tiếp cận được các nguồn vốn khác nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh.

Bảy là, không thể kinh doanh những ngành nghề yêu cầu phải kinh doanh theo hình thức doanh nghiệp.

Theo quy định của một số pháp luật chuyên ngành, điều kiện để kinh doanh ngành nghề đó phải có tư cách pháp nhân, hoặc là doanh nghiệp tư nhân. Do đó, hộ kinh doanh không thể đăng ký kinh doanh đối với những ngành nghề có yêu cầu điều kiện này.

Có thể điểm một vài ví dụ sau:

- Theo quy định tại khoản 1 ở các Điều 5, 6, 7 của Nghị định số 140/2007/NĐ-CP ngày 05 ngày 9 tháng 2007 về quy định chi tiết Luật Thương mại về điều kiện kinh doanh dịch vụ lô-gi-stíc và giới hạn trách nhiệm đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ lô-gi-stíc, điều kiện kinh doanh: *"Là doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh hợp pháp theo pháp luật Việt Nam"*. Do đó, hộ kinh doanh không được kinh doanh các ngành nghề thuộc dịch vụ lô-gi-stíc.

- Theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 về quản lý hoạt động kinh doanh vàng có quy định về điều kiện hoạt động kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ. Theo đó, doanh nghiệp kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ phải đáp ứng điều kiện: *"Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có đăng ký kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp"*.

Tám là, khó phát triển thành mô hình kinh doanh chuyên nghiệp.

Do các hạn chế về mở rộng sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường hay đổi mới phương thức sản xuất, phương thức kinh doanh, đổi mới khoa học công nghệ... nên việc kinh doanh không thể thực hiện một cách đồng bộ và hiệu quả. Việc sản xuất kinh doanh của các Hộ kinh doanh đa số dừng lại ở mức manh mún, tự phát, khó mở rộng thị trường tiêu thụ, chưa nâng cao tính cạnh tranh cho các sản phẩm,

dịch vụ tạo ra. Do đó, các hộ kinh doanh khó phát triển thành mô hình kinh doanh chuyên nghiệp so với loại hình doanh nghiệp.

Chín là, quy định quản lý thuế theo hình thức "thuế khoán" áp dụng cho hộ kinh doanh tồn tại nhiều bất cập, khó đánh giá hiệu quả kinh doanh trong thực tế.

Việc tính thuế của các hộ kinh doanh thường dựa vào doanh thu và quy mô của hộ kinh doanh, hình thành nên mức thuế khoán. Tuy nhiên, việc xác định thu nhập chịu thuế như quy định của pháp luật là rất khó khăn. Việc xác định một mức doanh thu hợp lý đối với hộ kinh doanh ở nhiều lĩnh vực khác nhau là vấn đề chưa giải quyết được một cách triệt để. Nếu chỉ ấn định một mức doanh thu chung chung không rõ ràng thì sẽ gây hiện tượng không công bằng trong việc tính thuế.

Tất cả các hạn chế trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển của các Hộ kinh doanh, dẫn đến không tận dụng được các cơ hội rộng lớn của thị trường để phát triển kinh doanh. Để khắc phục những hạn chế nêu trên thì việc kinh doanh theo hình thức doanh nghiệp sẽ có những lợi thế nhất định như:

Về phía Hộ kinh doanh:

- Hoạt động dưới tư cách pháp nhân, có con dấu riêng; có tư cách pháp nhân trong các giao dịch dân sự, thuê lao động;

- Có quyền thành lập các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy định;

- Được sử dụng nhiều lao động hơn;

- Chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn trọng phạm vi vốn điều lệ của công ty;

- Dễ tiếp cận mặt bằng sản xuất và kinh doanh; nhận được nhiều sự hỗ trợ hơn từ các hiệp hội nghề nghiệp; tiếp cận được với các ưu đãi đầu tư từ nhà nước; nếu kinh doanh thua lỗ thì được phép phá sản theo Luật Phá sản;

- Có thể huy động được sự tham gia góp vốn của tổ chức, cá nhân khác; dễ dàng hơn trong việc tiếp cận nguồn vốn cho vay của ngân hàng;

- Có quyền tiếp cận với thị trường nước ngoài một cách hợp pháp hơn;

- Có hóa đơn thuế giá trị gia tăng và nộp thuế theo loại hình doanh nghiệp thay vì theo cá nhân (và nhà nước đang có chính sách hỗ trợ thuế);

- Bên cạnh đó, doanh nghiệp sẽ tận dụng được những ưu điểm đối với loại hình doanh nghiệp phù hợp.

Về phía nhà nước

Nếu chuyển hộ kinh doanh sang kinh doanh theo hình thức doanh nghiệp thì nhà nước sẽ có những thuận lợi như:

- Việc quản lý các vấn đề liên quan đến lao động sẽ dễ dàng thực hiện;

- Thêm nhiều thông tin, dữ liệu cho việc phân tích, đánh giá và xây dựng chính sách;

- Thêm cơ hội thu hút thêm vốn đầu tư từ các nhà đầu tư do tin tưởng vào môi trường kinh doanh;

- Quản lý thuế hiệu quả hơn.

B. CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP:

Nhằm khuyến khích các doanh nghiệp phát triển trong thời gian qua, Trung ương và Thành phố đã ban hành các chính sách hỗ trợ cụ thể:

I. HỖ TRỢ VỀ QUẢN LÝ VÀ THÔNG TIN

1. Hỗ trợ về đào tạo nguồn nhân lực

- Mục đích: Trang bị những kiến thức về khởi sự doanh nghiệp (DN) cho chủ DN, các cá nhân, tổ chức có nguyện vọng thành lập DN; Nâng cao năng lực quản trị kinh doanh cho chủ DN và đội ngũ quản lý của các DNNVV.

- Cơ sở pháp lý: Thông tư liên tịch số 04/2014/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 8 năm 2014 hướng dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), Chương trình nhánh Đào tạo đội ngũ doanh nhân giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định 6252/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh lần thứ X về Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2020.

- Cơ quan liên hệ: Sở Kế hoạch và Đầu tư

2. Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia

- Mục đích: Hỗ trợ thông tin thương mại, tư vấn, đào tạo tập huấn ngắn hạn.

- Cơ sở pháp lý: Quyết định 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 về việc ban hành quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia; Quyết định 0912/QĐ-BCT năm 2011 về Tiêu chí đánh giá, thẩm định Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia; Thông tư 88/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình xúc tiến thương mại quốc gia do Bộ Tài chính ban hành.

- Cơ quan liên hệ: Sở Công thương, Trung tâm xúc tiến thương mại, Hiệp hội ngành hàng.

3. Chương trình khuyến công

- Mục đích: Hỗ trợ, tạo điều kiện các tổ chức, cá nhân thuộc môi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp một cách bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập quốc tế.

- Cơ sở pháp lý: Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; Thông tư 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công thương hướng dẫn Nghị định 45/2012/NĐ-CP; Thông tư liên tịch 26/2014/TTLT-BTC-BCT của Bộ Tài chính và Bộ Công thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương.

- Cơ quan liên hệ: Sở Công thương, Trung tâm khuyến công.

4. Chương trình Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

- Mục đích: hỗ trợ doanh nghiệp về mặt pháp luật.

- Cơ sở pháp lý: Nghị định 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; Thông tư liên tịch 157/2010/TTLT-BTC-BTP của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác hỗ trợ pháp lý cho DN.

- Cơ quan liên hệ: Sở Tư pháp.

5. Chương trình Hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp

- Cơ sở pháp lý: Quyết định 585/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014; Thông tư liên tịch số 157/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp; Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục và thực hiện và điều chỉnh nội dung các dự án của Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp giai đoạn 2010-2014.

- Cơ quan liên hệ: Sở Tư pháp, các hiệp hội doanh nghiệp.

6. Chương trình cung cấp thông tin hỗ trợ doanh nghiệp thông qua Cổng thông tin doanh nghiệp của Cục Phát triển doanh nghiệp

- Mục đích: Hỗ trợ thông tin cho cộng đồng doanh nghiệp thông qua hoạt động cung cấp thông tin về chủ trương, đường lối, chương trình, chính sách và hệ thống tổ chức phát triển DNNVV

- Cơ sở pháp lý: Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp DNNVV; Quyết định số 1231/QĐ-TTg ngày 7/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch phát triển DNNVV 05 năm 2011-2015.

- Cơ quan liên hệ: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

7. Chương trình Tăng cường năng lực ngành công nghiệp hỗ trợ thông qua hoạt động phái cử Tình nguyện viên cao cấp Nhật Bản hỗ trợ tư vấn cải tiến tại hiện trường của doanh nghiệp.

- Mục đích: Hỗ trợ DNNVV trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ tại khu vực phía Bắc và phía Nam thực hiện cải tiến nhằm tránh lãng phí, nâng cao năng suất, chất lượng, phát triển bền vững; góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền công nghiệp hỗ trợ Việt Nam.

- Cơ sở pháp lý: Hiệp định hợp tác Việt Nam – Nhật Bản về phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Cơ quan liên hệ: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)/Nhóm Tình nguyện viên Nhật Bản.

8. Chương trình hành động 29-CTrHĐ/TU thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TW ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế giai đoạn 2013 – 2020.

- Mục đích: động hỗ trợ, đào tạo nguồn nhân lực,... nhằm tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thuận lợi cho doanh nhân

- Cơ sở pháp lý: Quyết định số 4228/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2013 về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động 29-CTrHĐ/TU; Quyết định số 22/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 05 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Cơ quan liên hệ: Sở Công thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

II. HỖ TRỢ VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

1. Hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất sạch hơn trong công nghiệp.

- Mục đích: hỗ trợ đào tạo, cung cấp các dịch vụ về sản xuất sạchsản xuất và tiêu dùng bền vững, nâng cao công tác quản lý môi trường cho DN.

- Cơ sở pháp lý: Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Định hướng phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam) do Thủ tướng Chính phủ ban hành); Quyết định số 432/2012/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 phê duyệt chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020.

- Cơ quan liên hệ: Sở Công thương.

2. Chính sách ưu đãi DNNVV hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ

- Mục đích: Đến năm 2020 đẩy nhanh phát triển số lượng và nâng cao năng lực của DNNVV trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ (đạt khoảng 2000 DN), đảm bảo DNNVV trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ có thể cung ứng được khoảng 50% nhu cầu nội địa hóa ở các lĩnh vực khác nhau của các ngành công nghiệp chế tạo.

- Cơ sở pháp lý: Quyết định số 1556/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Trợ giúp DNNVV trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ".

- Cơ quan liên hệ: Sở Công thương.

3. Chương trình Hỗ trợ thông tin nhằm đổi mới công nghệ cho các DNNVV

- Mục đích: Hỗ trợ quảng bá công nghệ mới có tính ứng dụng rộng rãi; tư vấn cho DN lựa chọn công nghệ thích hợp với khả năng đầu tư của doanh nghiệp

- Cơ sở pháp lý: Quyết định số 2075/QĐ-TTg ngày 08/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển thị trường công nghệ đến năm 2020.

- Cơ quan liên hệ: Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Chương trình Hỗ trợ DNNVV đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

- Cơ sở pháp lý: Quyết định 4181/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Chương trình Hỗ trợ DNNVV đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

- Cơ quan liên hệ: Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Chương trình Hỗ trợ phát triển DN khoa học và công nghệ (KH&CN) và các tổ chức KH&CN công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm..

- Mục đích: Hỗ trợ hình thành và phát triển 3000 DN KH&CN; Hỗ trợ 1000 cá nhân, tổ chức, DN, các nhóm nghiên cứu mạnh được ươm tạo công nghệ, ươm tạo KH&CN; Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho 5000 luột đối tượng thành lập DN KH&CN.

- Cơ sở pháp lý: Quyết định 592/2012/QĐ-TTg ngày 22/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm; Thông tư 19/2013/TT-BKHCN ngày 15/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Thông tư 17/2014/TT-BKHCN ngày 16/6/2014 sửa, đổi, bổ sung Thông tư 19/2013/TT-BKHCN hướng dẫn quản lý chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- Cơ quan liên hệ: Sở Khoa học và Công nghệ.

6. Chương trình Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

- Mục đích: thúc đẩy, khuyến kích các doanh nghiệp tham gia đổi mới, sáng tạo bằng việc hỗ trợ về kinh phí.

- Cơ sở pháp lý: Quyết định 5342/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 của Ủy ban nhân dân về Quy chế phối hợp hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Cơ quan liên hệ: Sở khoa học và Công nghệ.

7. Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020

- Mục đích: hỗ trợ doanh nghiệp về thông tin, nghiên cứu về công nghệ mới theo hướng hiện đại hóa như đúng chủ trương của Chính phủ.

- Cơ sở pháp lý: Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020; Thông tư 09/2013/TT-BKHCN ngày 15/3/2013 Hướng dẫn quản lý Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020; Thông tư 03/2013/TT-BKHCN ngày 30/101/2013 hướng dẫn xác định, tuyển chọn, thẩm định; Thông tư 04/2013/TT-BKNCN ngày 30/01/2013 hướng dẫn tiêu chí đánh giá đề tài, dự án thuộc Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020.

- Cơ quan liên hệ: Cục ứng dụng và phát triển công nghệ (thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ) – ĐT: 04 - 22423401.

8. Chính sách hỗ trợ kinh phí cho DN thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ.

- Cơ sở pháp lý: Nghị định 119/1999/NĐ-CP ngày 18/9/1999 của Chính phủ về chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ; Thông tư liên tịch 2341/2000/TTLT/BKHCNMT-BTC ngày 28/11/2000 và Thông tư liên tịch 25/2003/TTLT-BKHCN-BTC ngày 25/8/2003 về bổ sung một số quy định tại Thông tư 2341/TTLT/BKHCNMT-BTC về hướng dẫn thực hiện Nghị định 119/1999/NĐ-CP.

- Cơ quan liên hệ: Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ) – ĐT: 04 - 39367750.

9. Chương trình quốc gia Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của DN Việt Nam đến năm 2020 (theo ngành, lĩnh vực).

- Cơ sở pháp lý: Quyết định 712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020"; Thông tư 20/2010/TT-BKHCN ngày 29/12/2010 Quy định về tổ chức, quản lý và điều hành Chương trình quốc gia "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020"; Thông tư liên tịch 130/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 16/9/2011.

- Cơ quan liên hệ: Trung tâm Năng suất chất lượng (thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ) – ĐT: 04 - 37561501.

10. Chương trình phát triển thị trường công nghệ đến năm 2020

- Mục đích: Nhằm tăng giá trị giao dịch các sản phẩm KH&CN, tài sản trí tuệ trên thị trường; Đến năm 2020 thiết lập mạng lưới sàn giao dịch công nghệ và hệ thống dịch vụ khoa học và công nghệ hỗ trợ.

- Cơ sở pháp lý: Quyết định 712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020"; Thông tư 20/2010/TT-BKHCN ngày 29/12/2010 Quy định về tổ chức, quản lý và điều hành Chương trình quốc gia "Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020"; Thông tư liên tịch 130/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 16/9/2011.

- Cơ quan liên hệ: Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học công nghệ (thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ) – ĐT: 04 - 39439195.

11. Chương trình kích cầu đầu tư (của Thành phố)

- Mục đích: khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực, ngành nghề mà Thành phố ưu tiên và khuyến khích phát triển mạnh dạn đầu tư, đổi mới máy móc, thiết bị, công nghệ sản xuất và đầu tư mới nhà xưởng để nâng cao năng lực sản xuất thông qua việc hỗ trợ lãi vay cho các dự án.

- Cơ sở pháp lý: Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về thực hiện Chương trình Kích cầu đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cơ quan liên hệ: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

12. Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất lĩnh vực công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ.

- Mục đích: khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vựccông nghiệp và công nghiệp hỗ trợ mạnh dạn đầu tư, đổi mới máy móc, thiết bị, công nghệ sản xuất và đầu tư mới nhà xưởng để nâng cao năng lực sản xuất thông qua việc hỗ trợ lãi vay cho các dự án..

- Cơ sở pháp lý: Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 16/03/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy định về hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất lĩnh vực công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ.

- Cơ quan liên hệ: Sở Công thương.

III. HỖ TRỢ VỀ THUẾ VÀ TÀI CHÍNH

1. Ưu đãi tài chính cho ngành công nghiệp hỗ trợ.

- Mục đích: khuyến kích các DN đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ thông qua hỗ trợ một phần vốn đầu tư.

- Cơ sở pháp lý: Nghị định 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 về Phát triển công nghiệp hỗ trợ.

- Cơ quan liên hệ: Sở Công thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Chương trình kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp:

- Cơ sở pháp lý: Công văn số 2667/NHNN-VP ngày 17 tháng 4 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc triển khai Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp.

- Cơ quan liên hệ: Ủy ban nhân dân 24 quận/huyện của Thành phố

3. Quỹ phát triển DNNVV

- Mục đích: hỗ trợ doanh nghiệp vay với lãi suất ưu đãi.

- Cơ sở pháp lý: Quyết định số 601/QĐ-TTg ngày 17/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa và Thông tư số 13/2015/TT-BKHĐT ngày 28/10/2015 ban hành danh mục lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ và tiêu chí lựa chọn đối tượng ưu tiên hỗ trợ; Thông tư số 37/2016/TT-BTC ngày 29/02/2016 của Bộ Tài chính quy định lãi suất cho vay của Quỹ phát triển DNNVV.

- Địa chỉ liên hệ: Quỹ hỗ trợ phát triển DNNVV

4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

- Mục đích: khuyến kích các DN ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ được tạo ra trong nước thuộc các lĩnh vực công nghệ cao hoặc sản xuất sản phẩm công nghệ cao (lãi suất 0%)

- Cơ sở pháp lý: Thông tư liên tịch 129/2007/TTLT-BKHCN-BTC; Quyết định 28/2011/QĐ-HĐQLQ của Hội đồng quản lý Quỹ.

- Địa chỉ liên hệ: Quỹ phát triển khoa học công nghệ quốc gia.

5. Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV

- Cơ sở pháp lý: thành lập theo Quyết định số 53/2007/QĐ-UBND ngày 30/3/2007 của Ủy ban nhân dân TP.Hồ Chí Minh

- Hình thức hỗ trợ: giúp DNNVV có thể vay với mức thế chấp tài sản thấp hơn yêu cầu của các ngân hàng thương mại nếu các DN đáp ứng được các yêu cầu đưa ra.

- Địa chỉ liên hệ: Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV (07 Huỳnh Tịnh Của, P8, Q3)

IV. HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VỀ ĐẦU RA SẢN PHẨM

1. Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam":

- Mục đích:hỗ trợ doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm tại thị trường nội địa

- Cơ sở pháp lý: Thông báo số 264-TB/TƯ ngày 31/7/2009 của Bộ Chính trị về tổ chức cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"

- Địa chỉ liên hệ: Sở Công thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Chương trình xúc tiến thương mại, đầu tư

- Cơ sở pháp lý: Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 và Thông tư số 88/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính.

- Địa chỉ liên hệ: Sở Công thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Chương trình "Bình ổn thị trường"

- Mục đích: kết nối doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh với ngân hàng tham gia chương trình với hạn mức và lãi suất ưu đãi nhằm thay đổi trong tập quán, thói quen mua sắm, tiêu dùng của người dân Thành phố và dựa trên kế hoạch sản xuất, tạo nguồn hàng, lượng hàng đăng ký của doanh nghiệp.

- Địa chỉ liên hệ: Sở Công thương Thành phố.

V. HỖ TRỢ TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

1. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

- Mục đích: khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông htôn thông qua việc hỗ trợ cho các doanh nghiệp.

- Cơ sở pháp lý: Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013; Thông tư 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 Hướng dẫn thực hiện Nghị định 210/2013/NĐ-CP.

- Địa chỉ liên hệ: Sở Kế hoạch và Đầu tư

2. Hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp đô thị

- Cơ sở pháp lý: Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND, ngày 20/3/2013 và Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 bổ sung 1 số điều khoản.

- Địa chỉ liên hệ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chính sách khuyến khích áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp và thủy sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là VietGAP).

- Cơ sở pháp lý: Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 14 tháng 05 năm 2015 ban hành Quy định Chính sách khuyến khích áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp và thủy sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là VietGAP).

- Cơ quan liên hệ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.